CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,795
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,115
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	128
P/E	7.8
EPS	1,381

	YTD	1T	3T	6T
PMB	21.2%	-1.8%	5.5%	19.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

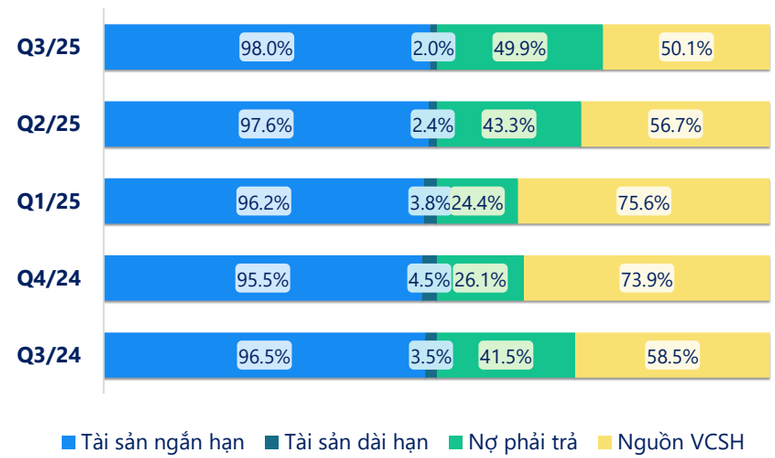

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

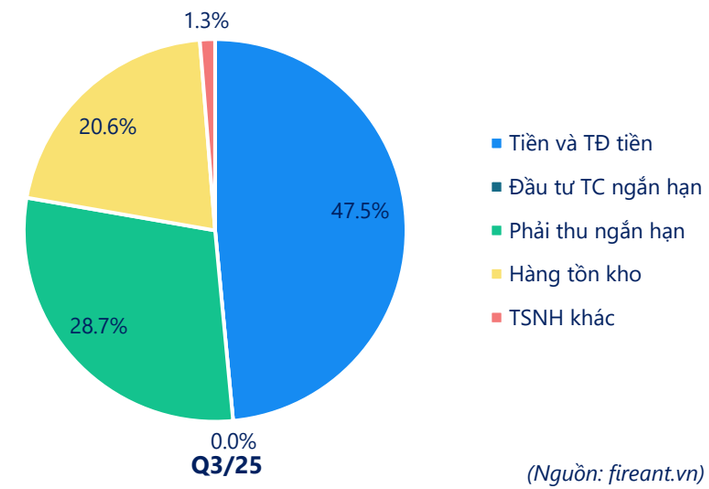

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

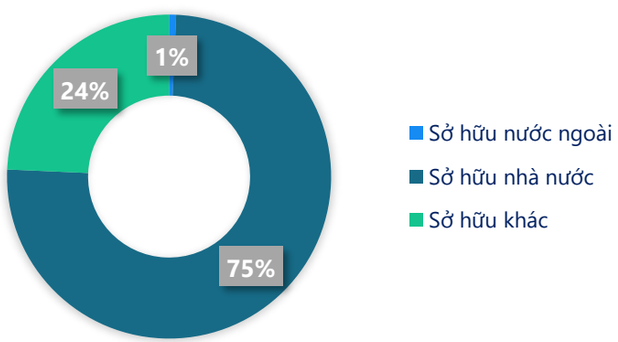

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

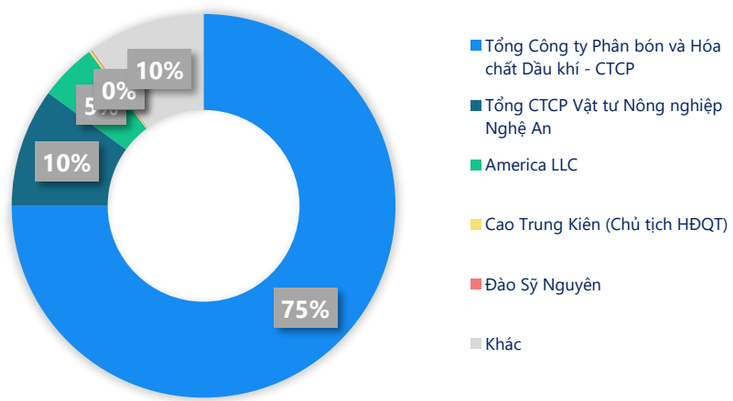

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

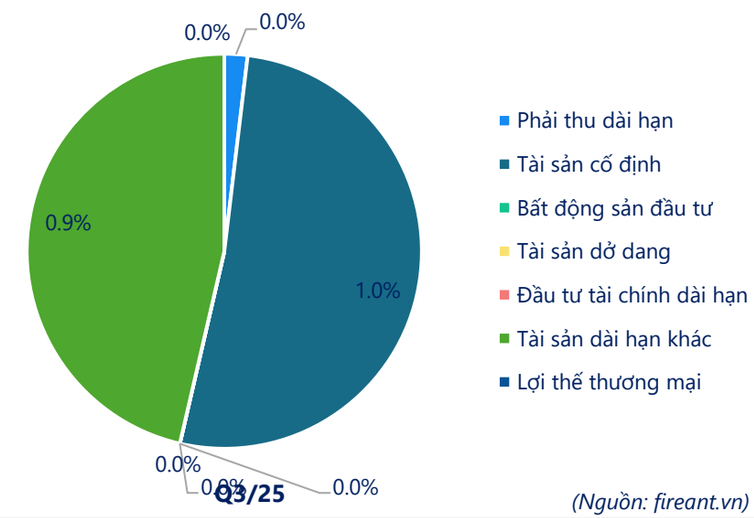

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

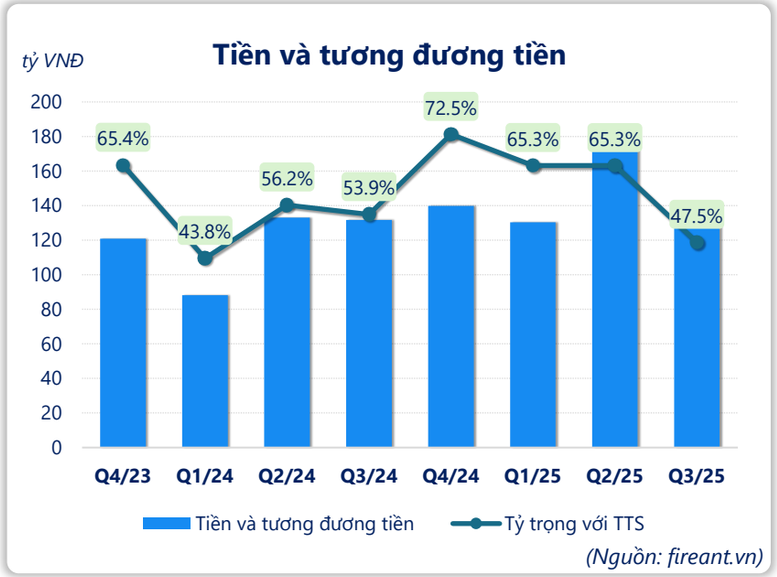

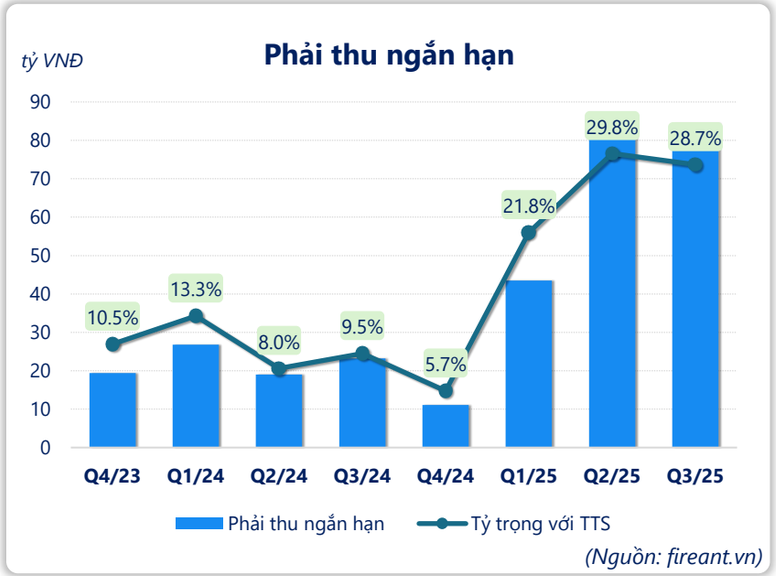

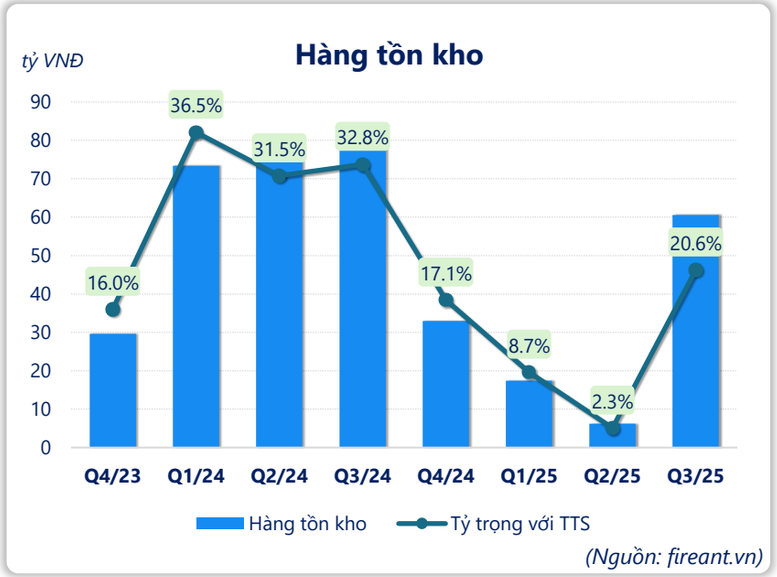

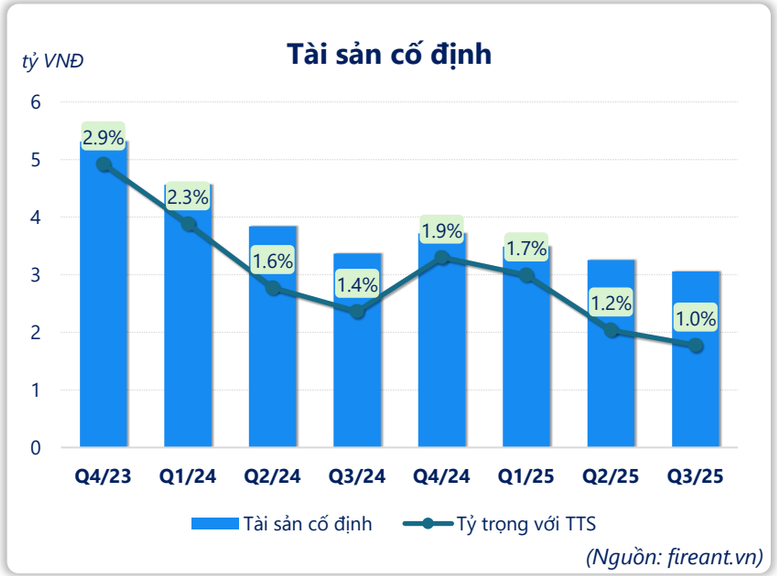

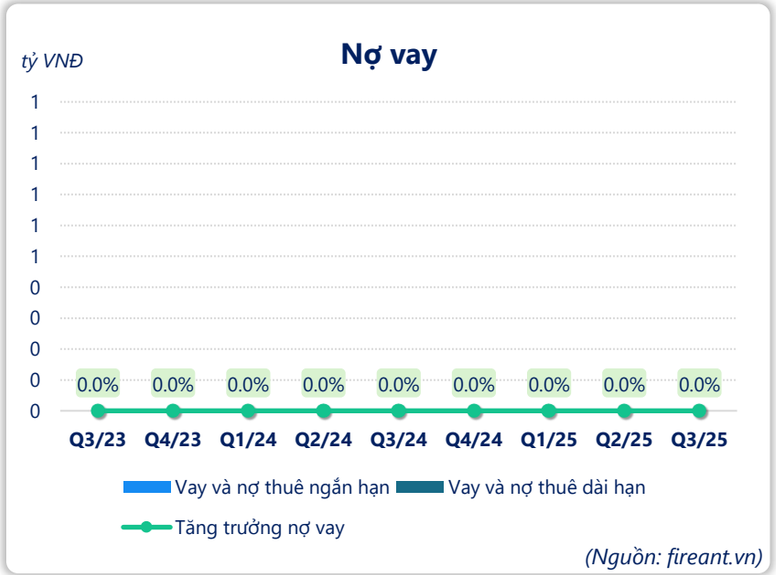

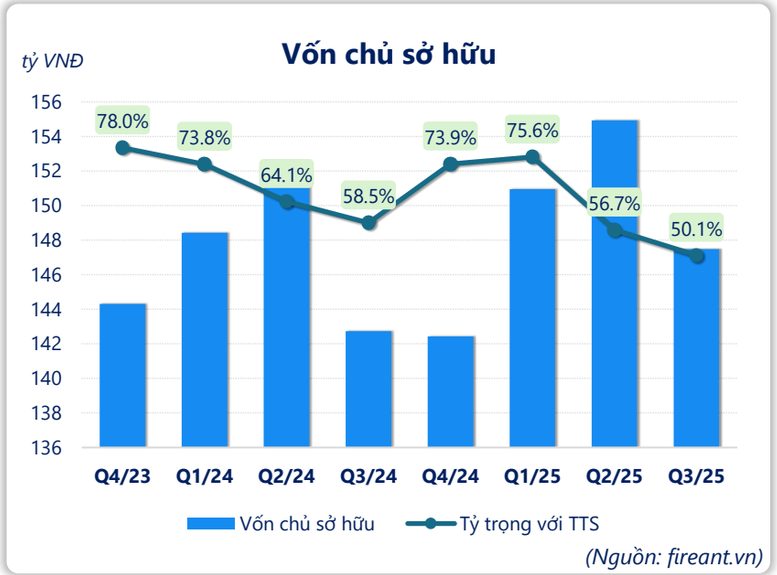

Powered by Infographic

CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

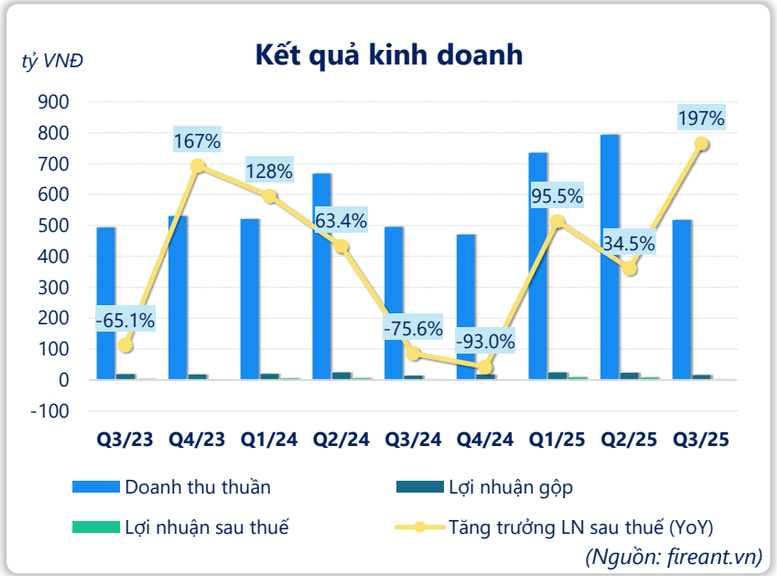

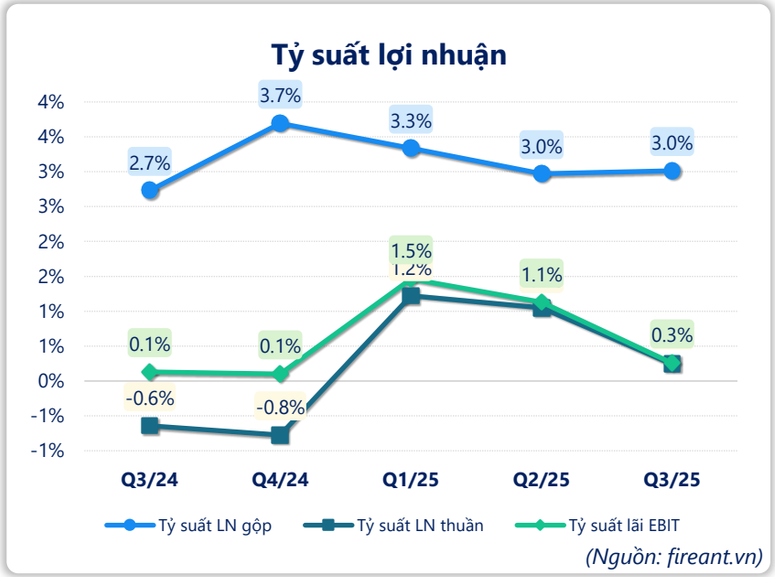

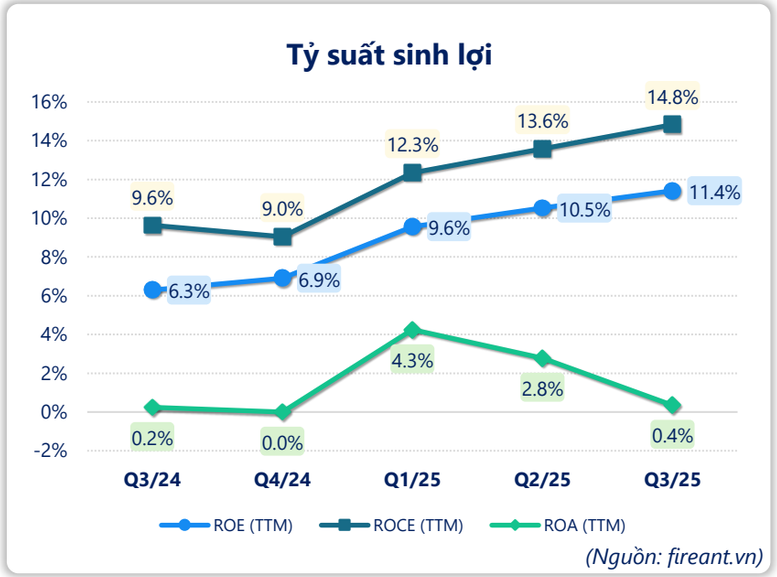

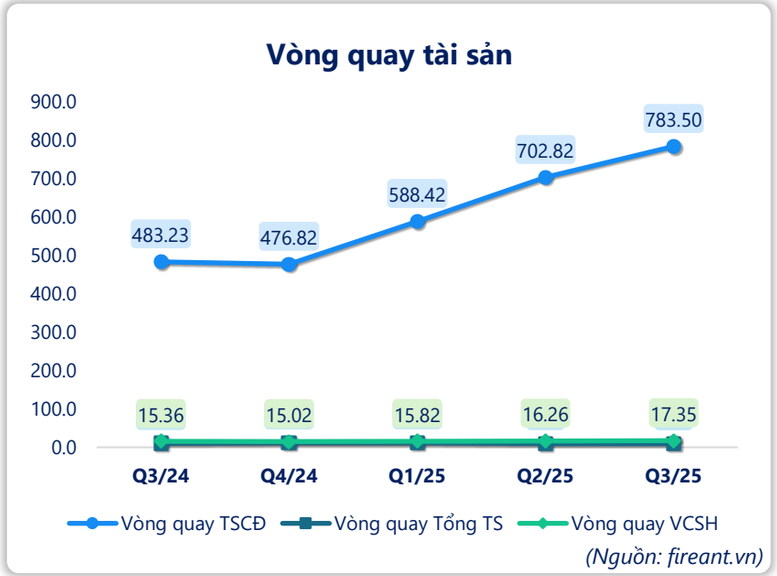

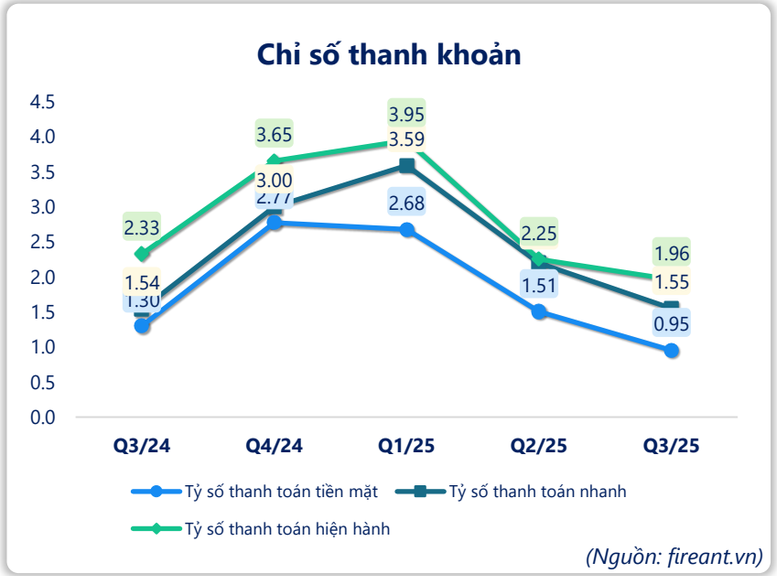

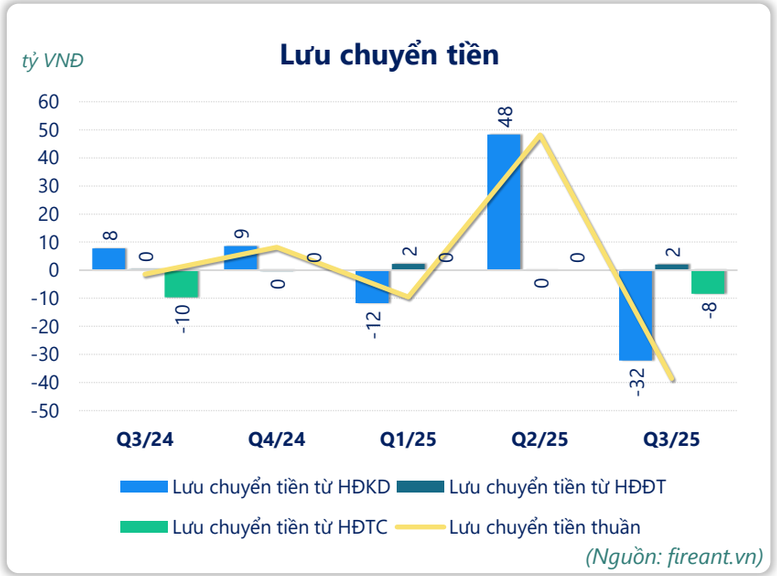

Powered by Infographic

CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**294**	**193**	**52.7%**
Tài sản ngắn hạn	289	184	56.6%
Tiền và tương đương tiền	140	140	0.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	84.4	11.1	663%
Hàng tồn kho	60.5	32.9	83.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.68	0.41	801%
Tài sản dài hạn	**5.91**	**8.60**	**-31.3%**
Phải thu dài hạn	0.11	0.07	55.6%
Tài sản cố định	3.06	3.72	-17.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.74**	**4.81**	**-43.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	147	50.4	192%
Nợ ngắn hạn	**147**	**50.4**	**192%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	36.5	17.6	107%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**147**	**142**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**147**	**142**	**3.5%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	495	470	735	794	518
Giá vốn hàng bán	481	453	710	770	503
Lợi nhuận gộp	13.5	17.4	24.5	23.6	15.6
Doanh thu HĐTC	0.32	0.55	0.56	0.73	0.73
Chi phí TC	0	0.01	0.01	0.08	0
Chi phí lãi vay	0	0.01	0.01	0.08	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.2	16.4	12.9	12.5	11.6
Chi phí QLDN	3.86	5.13	3.21	3.43	3.53
LN thuần từ HĐKD	-3.18	-3.64	8.98	8.34	1.26
Lợi nhuận khác	3.84	4.10	1.76	0.54	0.08
LN trước thuế	0.65	0.46	10.7	8.88	1.34
Lợi nhuận sau thuế	0.52	0.00	8.52	7.10	0.95
LNST của CĐ cty mẹ	0.52	0.00	8.52	7.10	0.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.77	8.55	-11.7	48.3	-32.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.39	-0.34	2.21	-0.18	1.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.60	0	0	0	-8.40
Tiền đầu kỳ	133	132	140	130	178
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.44**	**8.21**	**-9.51**	**48.2**	**-38.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	132	140	130	178	140

(Nguồn: fireant.vn)